TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6-CẦN THƠ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 37/2025/DS-ST Ngày 12-9-2025 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6-CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hồng;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Kiệt.

Ông Lê Hoàng Điệt.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Trương Thị Anh Thư là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6-Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6-Cần Thơ tham gia phiên Tòa: Bà Võ Thị Bé Năm – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6-Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng T; Địa chỉ: Số 89 L, Phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn S và ông Lâm Quốc H (sinh năm: 1988, CCCD: 094088006795;

Địa chỉ: Số 38-40-40a, Trần Hưng Đ, Phường P, thành phố Cần Thơ. Đại diện theo Giấy ủy quyền số: 088927.06/2025/UQN-PUN-RCC 17-6-2025 (có mặt).

- Bị đơn: Bà Phạm Thị Ánh T, sinh ngày: 09/6/1996, CMND: 366176017;

Địa chỉ: ấp X, xã M, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 17 tháng 6 năm 2025, cũng như trong quá trình

giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng T ông Lâm Quốc H trình bày:

Ngày 12 tháng 11 năm 2021, bà Phạm Thị Ánh T có ký với nguyên đơn Ngân hàng T Hợp cấp hạn mức tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử), hạn mức tín dụng là 54.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau: Loại thẻ: SUPER SOPPEE, hạn mức: 54.000.000 đồng, ngày ký hợp đồng 12 tháng 11 năm 2021, lãi suất áp dụng: 4.07%/tháng, ngày giải ngân là 19/11/2021 và bà Phạm Thị Ánh T nhận đủ số tiền trên.

Lãi được tính theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và quy định của Ngân hàng T từng thời kỳ (điểm d mục V của Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử).

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Phạm Thị Ánh T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Phạm Thị Ánh T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 12/3/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 53.660.964 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại.

Nay nguyên đơn Ngân hàng T yêu cầu Tòa án giải quyết*:* Buộc bà Phạm Thị Ánh T trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 12 tháng 9 năm 2025 tổng cộng gốc và lãi là 200.305.646 đồng, trong đó: Tiền gốc: 53.660.964 đồng, tiền lãi trong hạn: 97.763.122 đồng, tiền lãi quá hạn: 48.881.561 đồng và yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị Ánh T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 13 tháng 9 năm 2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Đối với bị đơn bà Phạm Thị Ánh T sau khi Tòa án thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án hợp lệ cho bà Phạm Thị Ánh T nhưng bà Phạm Thị Ánh T không có văn bản trả lời cho Tòa án. Tòa án có gửi thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án nhưng bà Phạm Thị Ánh T vẫn không tham gia. Sau đó, Tòa án đã Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà Phạm Thị Ánh T nhưng bà Phạm Thị Ánh T không gửi văn bản ghi ý kiến của bà đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn Ngân hàng T.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6-Cần Thơ, thành phố Cần Thơ biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu,

việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T, buộc bị đơn bà Phạm Thị Ánh T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T đến hết ngày 12 tháng 9 năm 2025 tổng cộng tiền gốc, tiền lãi là 200.305.646 đồng, trong đó: Tiền gốc: 53.660.964 đồng, tiền lãi trong hạn: 97.763.122 đồng, tiền lãi quá hạn: 48.881.561 đồng và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa trả từ ngày 13 tháng 9 năm 2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự: Bị đơn bà Phạm Thị Ánh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T: Tòa án nhân dân khu vực 6-Cần Thơ, thành phố Cần Thơ nhận được đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo do nguyên đơn Ngân hàng T nộp trực tiếp tại Tòa án. Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án thực hiện thủ tục nhận, xử lý đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T và thụ lý vụ án đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị Ánh T trả số tiền vay tính đến hết ngày 12 tháng 9 năm 2025 theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử lập ngày 12/11/2021 thì bị đơn bà Phạm Thị Ánh T còn nợ tổng cộng tiền gốc, tiền lãi là 200.305.646 đồng, trong đó: Tiền gốc: 53.660.964 đồng, tiền lãi trong hạn: 97.763.122 đồng, tiền lãi quá hạn: 48.881.561 đồng và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa trả từ ngày 12 tháng 9 năm 2025 cho đến khi trả tất nợ vay theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng. Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp dân sự, quan hệ pháp luật để giải quyết là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Phạm Thị Ánh T, có địa chỉ tại ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay ấp X, xã M, thành phố Cần Thơ) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 35 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, Đối thoại tại Toà án ngày 25 tháng 6 năm 2025. Hội đồng xét xử

xác định việc Tòa án nhân dân khu vực 6-Cần Thơ thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T. Hội đồng xét xử thấy rằng Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử lập ngày ngày 12 tháng 11 năm 2021, cụ thể như sau: Loại thẻ: SUPER SOPPEE, hạn mức: 54.000.000 đồng, ngày ký hợp đồng 12 tháng 11 năm 2021, lãi suất áp dụng: 4.07%/tháng, ngày giải ngân là 19/11/2021. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Phạm Thị Ánh T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 200.305.646 đồng. Nguyên đơn Ngân hàng T cung cấp được cho Tòa án Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử lập ngày ngày 12 tháng 11 năm 2021 đều có chữ ký, chữ viết của bị đơn bà Phạm Thị Ánh T.

Sau khi ký kết hợp đồng, đối với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử lập ngày ngày 12 tháng 11 năm 2021, bị đơn bà Phạm Thị Ánh T đã nhận đủ số tiền 54.000.000 đồng. Như vậy, có căn cứ xác định bị đơn bà Phạm Thị Ánh T có giao kết hợp đồng với nguyên đơn Ngân hàng T để vay số tiền 54.000.000 đồng theo với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử lập ngày ngày 12 tháng 11 năm 2021. Các bên tiến hành giao kết hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của pháp luật, lãi suất các bên thỏa thuận phù hợp với với quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Do đó, hợp đồng trên có giá trị pháp lý và buộc các bên phải thực hiện theo đúng hợp đồng. Tuy nhiên, sau khi vay bị đơn bà Phạm Thị Ánh T đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo đúng cam kết, như vậy bà Phạm Thị Ánh T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng hai bên đã ký kết.

Hiện nay, bị đơn bà Phạm Thị Ánh T còn nợ của nguyên đơn Ngân hàng T tiền gốc và tiền lãi vay tính đến hết ngày 12 tháng 9 năm 2025 đối với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử lập ngày ngày 12 tháng 11 năm 2021, tổng cộng tiền gốc, tiền lãi là 200.305.646 đồng, trong đó: Tiền gốc: 53.660.964 đồng, tiền lãi trong hạn: 97.763.122 đồng, tiền lãi quá hạn: 48.881.561 đồng. Xét thấy, bị đơn bà Phạm Thị Ánh T đã nhận tiền gốc vay của Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử, vì vậy, cần buộc bị đơn bà Phạm Thị Ánh T phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng T số tiền gốc là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về lãi suất: Ngân hàng T yêu cầu tính lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn, thấy rằng, mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử lập ngày ngày 12 tháng 11 năm 2021 tại thời điểm xác lập hợp đồng là phù hợp với quy định của quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Do

đó yêu cầu tính lãi của nguyên đơn Ngân hàng T là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền vốn và tiền lãi vay mà bị đơn bà Phạm Thị Ánh T phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng T tổng cộng tiền gốc, tiền lãi là 200.305.646 đồng, trong đó: Tiền gốc: 53.660.964 đồng, tiền lãi trong hạn: 97.763.122 đồng, tiền lãi quá hạn: 48.881.561 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng T được chấp nhận nên bị đơn bà Phạm Thị Ánh T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 63; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 35 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, Đối thoại tại Toà án ngày 25 tháng 6 năm 2025.

Căn cứ vào Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 100; Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T.

Buộc bị đơn bà Phạm Thị Ánh T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng T số tiền vốn và lãi vay tính đến hết ngày 12 tháng 9 năm 2025 theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử lập ngày ngày 12 tháng 11 năm 2021 tổng cộng tiền gốc, tiền lãi là 200.305.646 đồng, trong đó: Tiền gốc: 53.660.964 đồng, tiền lãi trong hạn: 97.763.122 đồng, tiền lãi quá hạn: 48.881.561 đồng.

Kể từ ngày 13 tháng 9 năm 2025 bị đơn bà Phạm Thị Ánh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất bị đơn bà Phạm Thị Ánh T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng T cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất Ngân hàng T.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn bà Phạm Thị Ánh T phải chịu án phí số tiền 10.015.282 đồng.

Ngân hàng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền án phí đã nộp là 4.645.000 đồng theo biên lai thu số 0000684 ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 6, Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014.

Nơi nhận
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 6-Cần Thơ;
- Phòng THAKV6, THADS TPCT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thu Hồng